TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2017/KDTM-ST

Ngày: 22-9-2017

V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Ngọc Thạch.

2. Ông Đào Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLST-KDTM, ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường N, phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1959 – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Phú Q, sinh năm 1988 – Phó giám đốc của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N, có mặt (theo giấy ủy quyền ngày 15 tháng 3 năm 2017) .

Địa chỉ: Đường H, phường 12, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983 (chủ đại lý H D), vắng mặt.

2.2 Bà Phạm Thị D, sinh năm 1983, vắng mặt.

Cả hai cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, thị xã K, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2017 và bản tự khai ngày 10 tháng 8 năm 2017 - Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N trình bày: Đại lý vật tư nông nghiệp H D do ông Nguyễn Thanh H làm chủ hộ là đại lý phân phối phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N tại địa bàn tỉnh L. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N bắt đầu bán hàng cho đại lý H D từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 11 năm 2014. Quá trình mua bán do bà Phạm Thị D là vợ của ông H trực tiếp giao dịch, nhận hàng và ký xác nhận. Đến ngày 08 tháng 7 năm 2015, đại lý H D do bà D ký xác nhận còn nợ lại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N số tiền gốc là 1.924.254.000 đồng và sẽ trả tiền theo 04 đợt. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, đại lý H D vẫn chưa thực hiện bất kỳ khoản thanh toán nào cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N. Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N khởi kiện yêu cầu ông H và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N số tiền gốc còn nợ lại là 1.924.254.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,08%/ngày theo Điều 3 của hợp đồng nguyên tắc ngày 01 tháng 11 năm 2014 tính từ ngày 08 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 của số tiền 1.924.254.000 đồng là 1.924.254.000 đồng x 0,08% x 176 ngày = 270.934.963 đồng; lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 01 tháng 6 năm 2017 của số tiền 1.924.254.000 đồng là 1.924.254.000 đồng x 1,125% x 17 tháng = 368.031.577 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án ra thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tống đạt hợp lệ cho ông H và bà D nhưng ông H và bà D không đến tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án thì ông H và bà D cũng không gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án về việc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N khởi kiện ông H và bà D yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi trong hợp đồng mua bán hàng hóa.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25 tháng 7 năm 2017 – Bà Phạm Thị D trình bày: Bà D là vợ của ông H. Bà D và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa (nay là thị xã K), tỉnh L. Hiện nay, bà D đang nộp đơn xin ly hôn ông H tại Tòa án nhân dân thị xã K. Bà D xác nhận đại lý H D do ông H làm chủ có đăng ký kinh doanh tại phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Mộc Hóa (nay là thị xã K), tỉnh L với hình thức đăng ký là đại lý. Đại lý H D không còn hoạt động từ đầu năm 2014 đến nay vì làm ăn bị thua lỗ, thâm hụt vốn, người nông dân mua phân bón, thuốc trừ sâu không trả nợ. Tuy nhiên, đại lý H D chưa đăng ký giải thể ở bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào. Đại lý H D chỉ có ông H và bà D bỏ vốn ra kinh doanh. Ngoài ra, không có

ai góp vốn với ông H và bà D để kinh doanh. Bà D thừa nhận đại lý H D còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N số tiền gốc là 1.924.254.000 đồng theo giấy xác nhận trả tiền ngày 08 tháng 7 năm 2017 do bà D ký xác nhận nợ. Bà D xác nhận đây là khoản nợ chung của ông H với bà D vì đại lý H D do ông H làm chủ nhưng người trực tiếp giao dịch là bà D. Do đó, chỉ có một mình bà D ký vào giấy xác nhận trả tiền ngày 08 tháng 7 năm 2015 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N. Từ khi bà D ký vào giấy xác nhận trả tiền ngày 08 tháng 7 năm 2015 đến nay thì ông H và bà D chưa trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N được khoản tiền gốc, lãi nào. Hiện tại ông H và bà D không còn khả năng thanh toán nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N nên xin Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N cho ông H và bà D chỉ trả số tiền gốc là 1.924.254.000 đồng, xin không trả số tiền lãi. Nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N không cho số tiền lãi thì ông H và bà D đồng ý trả tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N - Ông Nguyễn Văn Phú Q trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N yêu cầu ông H và bà D phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N số tiền gốc là 1.924.254.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 08 tháng 7 năm 2015 đến ngày 15 tháng 6 năm 2017 là 1.924.254.000 đồng x 1,125% x 23 tháng 07 ngày (697 ngày) = 502.951.889 đồng; tổng cộng gốc, lãi là 1.924.254.000 đồng + 502.951.889 đồng = 2.427.205.889 đồng nhưng làm tròn là 2.427.205.000 đồng. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N không đồng ý cho ông H và bà D số tiền lãi suất. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N yêu cầu ông H và bà D phải trả dần hàng tháng trong thời gian 06 tháng hết số tiền gốc, lãi trên tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông H và bà D vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn Nhựt - Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng pháp luật, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N là buộc ông H và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N số tiền mua bán gốc, lãi tổng cộng là 2.427.205.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn là ông H, bà D có địa chỉ tại ấp 1, xã T, thị xã K, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N khởi kiện yêu cầu ông H và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N gốc, lãi tổng cộng là 2.427.205.000 đồng là có chứng cứ chứng minh được thể hiện tại giấy xác nhận trả tiền ngày 08 tháng 7 năm 2015 được bà D ký xác nhận nợ và thừa nhận nợ. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K và yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N, buộc ông H và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N số tiền gốc, lãi tổng cộng là 2.427.205.000 đồng là có căn cứ phù hợp với các Điều 24, 306 Luật thương mại; các Điều 298, 305, 428, 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về đề nghị xin số tiền lãi suất của bà D: Không được Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

[4] Về sự vắng mặt của ông H và bà D: Ông H và bà D là bị đơn không có yêu cầu khởi kiện phản tố, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông H và bà D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà D là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H và bà D phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 2.427.205.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 177, 184, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 24, 306 Luật thương mại; các Điều 298, 305, 428, 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N, buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N số tiền 2.427.205.000 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí của vụ án là 80.544.000 đồng (tám mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị D phải có nghĩa vụ liên đới chịu 80.544.000 đồng (tám mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại N 27.225.000 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006457 ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện hợp pháp của đương sự, báo cho đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Nguyễn Thanh H, bà Phạm Thị D được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh L;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu